

BOSTRYPSIN®

ĐỀ XA TÀM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
THÀNH PHẦN

- Mỗi viên nén có chứa:
- Thành phần hoạt chất: Chymotrypsin.....4200 đơn vị USP
 - Thành phần tá dược: Compressible sugar, aspartam, bột mùi bạc hà, magnesi stearat.

- DẠNG BẢO CHẾ:**
- Viên nén.
- Mô tả viên: Viên nén tròn màu trắng, một mặt trơn, một mặt có chữ B, cạnh và thành viên lành lặn.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị phù nề sau chấn thương, phẫu thuật, bỏng.

- CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG**
- Đường uống: 2 viên x 3 – 4 lần/ngày, nên uống với nhiều nước (ít nhất 240 ml) nhằm giúp gia tăng hoạt tính enzym.
 - Ngâm dưới lưỡi: 4 đến 6 viên chia đều ra trong ngày. Để thuốc tan từ từ dưới lưỡi

- CHỐNG CHỈ ĐỊNH**
- Quá mẫn với chymotrypsin hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.
 - Bệnh nhân giảm alpha 1 – antitrypsin.

- CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC**
- Cần thận trọng khi dùng thuốc cho bệnh nhân bị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD), đặc biệt là khí phế thũng và hội chứng thận hư vì đây là nhóm có nguy cơ giảm alpha – 1 antitrypsin.
 - Không nên dùng cho bệnh nhân rối loạn đông máu di truyền như hemophilia (chứng máu loãng khó đông), rối loạn đông máu, dùng thuốc kháng đông, sắp trải qua phẫu thuật, dị ứng với protein, loét dạ dày.

- Tá dược:*
- Trong thành phần có chứa aspartam là nguồn chứa phenylalanin, cần thận trọng khi dùng cho bệnh nhân bị phenylceton-niệu.

- SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**
- Do tính an toàn chưa được xác lập, không nên dùng thuốc trong thời kỳ mang thai và trong thời gian cho con bú.

- ẢNH HƯỞNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC**
- Chưa có báo cáo.

- TƯƠNG TÁC THUỐC**
- Chymotrypsin thường được dùng phối hợp với các thuốc dạng enzym khác để gia tăng hiệu quả điều trị. Thêm vào đó, chế độ ăn cân đối hoặc sử dụng vitamin và bổ sung muối khoáng được khuyến cáo để gia tăng hoạt tính chymotrypsin.
 - Một vài loại hạt như hạt đậu jojoba (ở Bắc Mỹ), đậu nành có chứa nhiều loại protein ức chế hoạt tính chymotrypsin. Tuy nhiên, những protein này có thể bị bất hoạt khi đun sôi.
 - Không nên sử dụng chymotrypsin với acetylcystein, một thuốc dùng để làm tan đàm đường hô hấp, và không nên phối hợp chymotrypsin với thuốc kháng đông vì làm gia tăng hiệu lực của chúng.

- TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN**
- Không có bất kỳ tác dụng phụ lâu dài nào do sử dụng chymotrypsin ngoại trừ đối tượng đã nêu trong mục “Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc”.
 - Chymotrypsin được dung nạp tốt và không gây tác dụng phụ đáng kể.
 - Nhiều nghiên cứu ở liều khuyến cáo cho thấy rằng trong xét nghiệm máu không phát hiện các enzym sau 24 – 48 giờ. Các tác dụng phụ thoáng qua có thể thấy (nhưng biến mất khi ngưng điều trị hoặc giảm liều) bao gồm: thay đổi sắc da, cân nặng, mùi phân. Một vài trường hợp có thể bị rối loạn tiêu hóa như: đầy hơi, nặng bụng, tiêu chảy, táo bón hoặc buồn nôn.
 - Với liều cao, phản ứng dị ứng nhẹ như đỏ da có thể xảy ra.

- QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ**
- Chưa có báo cáo.

- DƯỢC LỰC HỌC**
- Nhóm dược lý: Enzym thủy phân protein.
 - Mã ATC: B06AA04.
 - Chymotrypsin có tác dụng chống phù nề và kháng viêm dạng enzym.
 - Như một thuốc kháng viêm, chymotrypsin và các enzym tiêu protein khác ngăn chặn tổn thương mô trong quá trình viêm và hình thành sợi tơ huyết (fibrin). Enzym tiêu protein tham gia vào quá trình phân hủy sợi tơ huyết được gọi là quá trình tiêu sợi huyết. Sợi tơ huyết hình thành lớp rào bao quanh vùng viêm gây tắc nghẽn mạch máu và mạch bạch huyết dẫn đến hiện tượng phù nề tại vùng viêm. Sợi tơ huyết cũng có thể phát triển thành các cục máu đông.

- DƯỢC ĐỘNG HỌC**
- Chymotrypsin là một enzym tiêu hóa phân hủy các protein (còn gọi là enzym tiêu protein hay protease).
 - Trong cơ thể con người, chymotrypsin được sản xuất tự nhiên bởi tuyến tụy. Tuy nhiên, chymotrypsin cũng được sử dụng như một dạng enzym bổ sung nhằm cải thiện sức khỏe, tiêu hóa, và hỗ trợ điều trị nhiều bệnh lý khác nhau.
 - Enzym tiêu protein phân hủy phân tử protein thành dipeptid và acid amin. Ngoài chymotrypsin, các enzym tiêu protein khác được tiết bởi tuyến tụy bao gồm trypsin và carboxypeptidase.

- ĐÓNG GÓI:** ViAl/PVDC: Hộp 2 vi x 10 viên nén. Hộp 5 vi x 10 viên nén
- Ép viAl/Al. Hộp 2 vi x 10 viên nén
 - Ép viAl/Al. Hộp 3 vi x 10 viên nén
 - Ép viAl/Al. Hộp 5 vi x 10 viên nén
 - Ép viAl/Al. Hộp 10 vi x 10 viên nén
 - Ép viAl/Al. Hộp 2 vi x 15 viên nén

- BẢO QUẢN:** Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.
- HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.
- TIÊU CHUẨN:** Tiêu chuẩn cơ sở



Cơ sở sản xuất
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.